TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÌN HỒ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 09/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con sau khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SH, TỈNH LAI CHÂU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Phan Hồng Ngoãn

Các Hội thẩm nhân dân: ông Sùng A Nhè; ông Tẩn A Sếnh

- Thư ký phiên tòa: ông Sùng A Thắng - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu *tham gia phiên tòa:* ông Phùng Văn Chử - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện S H, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2018/TLST - HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2018 về " tranh chấp ly hôn và quyền nuôi con sau khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Quàng Thị H- sinh năm 1987

Nơi ĐKHKTT: bản TGh, xã PhH, huyện SH, tỉnh Lai Châu.

(Có mặt tại phiên toà).

2. Bị đơn: anh Hà Ngọc N - sinh năm 1989

Nơi ĐKHKTT: bản TGh, xã Ph H, huyện S H, tỉnh Lai Châu.

Nơi làm việc: Hạt kiểm lâm huyện SH, tỉnh Lai Châu.

(Vắng mặt tại phiên toà không có lý do).

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

+ Cháu Hà Anh T - sinh ngày: 17/9/2011; là con chung của hai vợ chồng.

+ Người đại diện theo pháp luật, được uỷ quyền thường xuyên của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện S H, tỉnh Lai Châu: ông Ngô Sỹ Th; chức vụ: Giám đốc (có mặt tại phiên toà).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc ly hôn, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên toà của chị Quàng Thị H là nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: chị Quàng Thị H và anh Hà Ngọc N sau thời gian

tìm hiểu và yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện. Gia đình đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào ngày 31 tháng 8 năm 2008 và đã đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Th Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trong thời gian chung sống, chị H và anh N có 01 con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011. Tuy nhiên do quan điểm sống bất đồng, mâu thuẫn phát sinh do anh Hà Ngọc N không tập trung làm việc, không quan tâm đến gia đình, chăm sóc con, chị H đã nhiều lần khuyên bảo, động viên nhưng anh N không thay đổi từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt xảy ra mâu thuẫn trầm trọng hơn, vợ chồng không thể hàn gắn lại được. Vì vậy chị H và anh N đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Quàng Thị H làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Ngọc N.

Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Quàng Thị H và anh Hà Ngọc N có 01 con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011, hiện cháu đang ở với ông bà nội tại đ 10, xã ThY, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên; hai bên vợ chồng tự thoả thuận về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Trong quá trình chung sống vợ chồng chị Quàng Thị H và anh Hà Ngọc N không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Khoản nợ vay vào ngày 29 tháng 6 năm 2017 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là chị Quàng Thị H sẽ do chị Quàng Thị H tự trả; về khoản vay vào ngày 09 tháng 02 năm 2017 số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là anh Hà Ngọc N sẽ do anh Hà Ngọc N tự trả nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Theo bản tự khai của bị đơn là anh Hà Ngọc N trình bày: Năm 2008 anh và chị Quàng Thị H xây dựng gia đình và có đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào ngày 31 tháng 8 năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Th Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Trước khi kết hôn vợ chồng tôi tìm hiểu trên tinh thần tự nguyện, khi đăng ký kết hôn không ai lừa dối, ép buộc và được sự đồng ý của hai bên gia đình. Sau khi kết hôn đến nay vợ chồng chúng tôi vẫn yêu thương nhau. Nhưng do điều kiện hoàn cảnh gia đình khó khăn, thiếu thốn nên vợ chồng chúng tôi hay cãi nhau. Vợ tôi là chị Quàng Thị H làm đơn xin ly hôn với tôi và yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn nhưng tôi thấy tình cảm vợ chồng vẫn còn nên tôi không nhất trí ly hôn.

Về con chung: Nếu chị Quàng Thị H vẫn yêu cầu xin ly hôn với tôi thì theo nguyện vọng của tôi là được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hà Anh T; sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011 cho đến khi cháu trưởng thành.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tôi không yêu cầu chị Quàng Thị H phải cấp dưỡng nuôi con chung nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Về tài sản chung: chúng tôi không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về khoản nợ chung: Tôi sẽ có trách nhiệm trả nợ cho cả 02 khoản nợ: Khoản nợ vay ngày 09 tháng 02 năm 2017, số hợp đồng 7803 LAV 201700212,

số tiền vay 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) dư nợ đến ngày 03 tháng 10 năm 2018 còn lại là 100.957.000 đồng; Khoản nợ vay ngày 29 tháng 6 năm 2017, số hợp đồng 7803 LAV 201700740, số tiền vay 100.000.000 đồng (một trăm mươi triệu đồng) dư nợ đến ngày 03 tháng 10 năm 2018 còn lại là 48.000.000 đồng.

Tại phiên toà, bị đơn Hà Ngọc N vắng mặt không có lý do, ngày 05 tháng 4 năm 2019 Toà án đã tiến hành lấy lời khai đối với anh Hà Ngọc N, thời điểm Toà án tiến hành lấy được lời khai của bị đơn Hà Ngọc N, Toà án đã có Quyết định đưa vụ án ra xét xử. Căn cứ Điều 254 của Bộ luật tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã công bố lời khai của bị đơn Hà Ngọc N tại phiên toà, như sau: Khoản nợ vay vào ngày 29 tháng 6 năm 2017 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là chị Quàng Thị H sẽ do chị Quàng Thị H tự trả tôi nhất trí; về khoản vay vào ngày 09 tháng 02 năm 2017 số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là anh Hà Ngọc N sẽ do anh Hà Ngọc N tự trả nên không yêu cầu toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18 tháng 10 năm 2018, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là cháu Hà Anh T trình bày: Trong cuộc sống gia đình bố, mẹ của cháu thường xuyên bất hòa. Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng được cháu ở với bố, bởi cháu là con trai nên khi ở với bố, cháu sẽ được bố chăm sóc và điều kiện học tập của cháu sẽ tốt hơn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu mà Người đại diện theo pháp luật, được uỷ quyền thường xuyên của Ngân hàng là ông Ngô Sỹ Th, trình bày: Các khoản nợ vay của vợ chồng anh Hà Ngọc N và chị Quàng Thị H không thế chấp bằng tài sản, là khoản vay cá nhân đều được trừ qua lương của từng người, do vậy ông Ngô Sỹ Th đồng ý về trách nhiệm trả các khoản nợ do anh N và chị H đã vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện S H, tỉnh Lai Châu như sau: Khoản vay vào ngày 09 tháng 02 năm 2017 số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là anh Hà Ngọc N, đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2019 còn 82.957.000 đồng do anh N tự trả; khoản vay vào ngày 29 tháng 6 năm 2017 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là chị Quàng Thị H, đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2019 còn 28.000.000 đồng do chị H tự trả; trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thoả thuận được với nhau về trách nhiệm trả các khoản nợ Ngân hàng nêu trên. Sự thoả thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật và không trái đạo đức xã hội và đảm bảo được quyền lợi hợp pháp của Ngân hàng. Vì vậy Ngân hàng không có ý kiến gì thêm và nhất trí với ý kiến của nguyên đơn Quàng Thị H và bị đơn Hà Ngọc N về trách nhiệm trả các khoản nợ vay của Ngân hàng nên đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: bị đơn Hà Ngọc N chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện SH, tỉnh Lai Châu là: 82.957.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh; nguyên đơn Quàng Thị H chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện

Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu là: 28.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Các đương sự không liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ lẫn nhau.

Tại phiên toà, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sìn Hồ phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán; Hội đồng xét xử; Thư ký phiên tòa; việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Bị đơn là ông Hà Ngọc N đã được Toà án tống đạt hợp lệ: Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các văn bản tố tụng khác, ông Nam chỉ có mặt 01 lần vào ngày 14 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ theo giấy triệu tập để trình bày lời khai ngoài ra ông N vắng mặt không có lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, vi phạm quyền nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Hà Ngọc N vắng mặt không có lý do; Ngày 01 tháng 4 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ hai ông Hà Ngọc N tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên ngày 09 tháng 4 năm 2019 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Hà Ngọc N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Nguyên đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo đúng quy định của pháp luật; trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Toà án. Tuy nhiên không ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quàng Thị H, tuyên xử ly hôn (chấm dứt quan hệ hôn nhân) giữa nguyên đơn Quàng Thị H và bị đơn Hà Ngọc N.

Về giải quyết con chung khi ly hôn: Căn cứ các Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử: Giao cho bị đơn Hà Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Anh T; sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị Quàng Thị H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này.

Về cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn: bị đơn không yêu cầu nguyên đơn cấp dưỡng nuôi con khi ly hôn nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Các đương sự không có tài sản chung nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về khoản nợ chung: Trong thời kỳ hôn nhân, các đương sự có 02 khoản vay nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu : Khoản vay vào ngày 09 tháng 02 năm 2017 số tiền

160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là anh Hà Ngọc N, đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2019 còn 82.957.000 đồng; khoản vay vào ngày 29 tháng 6 năm 2017 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là chị Quàng Thị H, đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2019 còn 28.000.000 đồng; trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thoả thuận được với nhau về trách nhiệm trả các khoản nợ Ngân hàng nêu trên. Căn cứ Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: bị đơn Hà Ngọc N chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu là: 82.957.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh; nguyên đơn Quàng Thị H chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu là: 28.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Các đương sự không liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ lẫn nhau.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn Quàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: chị Quàng Thị H có đơn yêu cầu Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu giải quyết ly hôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu.

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án đã triệu tập, tống đạt hợp lệ cho anh Hà Ngọc N là bị đơn trong vụ án tham gia tố tụng nhiều lần như: Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; các văn bản tố tụng khác nhưng vẫn vắng mặt không có lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. anh N chỉ có mặt 01 lần vào ngày 14 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ theo giấy triệu tập để trình bày bản tự khai; ngày 05 tháng 4 năm 2019 Toà án đã tiến hành lấy lời khai đối với anh Hà Ngọc N tại hạt kiểm lâm huyện Sìn Hồ, ngoài ra vắng mặt không có lý do và không nộp cho Tòa án văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, vi phạm quyền nghĩa vụ của đương sự quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó Toà án đã tiến hành theo quy định tại khoản 3 Điều 173 và Điều 179, Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ngày 26 tháng 3 năm 2019, Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ nhất, mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng ông Hà Ngọc

N vắng mặt không có lý do; Ngày 01tháng 4 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Sìn Hồ đã tiến hành mở phiên tòa lần thứ hai ông Hà Ngọc N tiếp tục vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nên ngày 09 tháng 4 năm 2019 Toà án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn ông Hà Ngọc N là phù hợp theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: chị Quàng Thị H và anh Hà Ngọc N sau thời gian tìm hiểu và yêu thương nhau trên cơ sở tự nguyện và đã tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào ngày 31 tháng 8 năm 2008 và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã ThY, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên. Trong cuộc sống giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, quan điểm sống bất đồng, không hoà thuận nên đã sống ly thân từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay. Hiện tại giữa chị H và anh N không còn tình cảm vợ chồng với nhau nữa nên yêu cầu Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Ngọc N. Xét thấy, đây là hôn nhân hợp pháp nhưng tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh N không còn, giữa các bên không chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2017 cho đến nay, anh N và chị H không chăm lo hạnh phúc, không chăm lo con chung, không tôn trọng, quan tâm lẫn nhau, đời sống vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Tại phiên tòa chị Quàng Thị H vẫn giữ nguyên quan điểm yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Ngọc N và nhất trí theo nguyện vọng của cháu Hà Anh T; sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011 là cháu có nguyện vọng được ở với anh Hà Ngọc Nam. Nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Quàng Thị H đối với anh Hà Ngọc N.

[3] Về con chung và nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Quàng Thị Hvà anh Hà Ngọc N có 01 con chung là cháu Hà Anh T, sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011; anh N đề nghị Hội đồng xét xử được quyền trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng con đến khi cháu trưởng thành 18 tuổi và không yêu cầu chị Quàng Thị H thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng đối với con chung.

Cháu Hà Anh T; sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011 là con chung của hai vợ chồng, cháu có nguyện vọng được ở với bố là anh Hà Ngọc N. Tại phiên toà nguyên đơn Quàng Thị H đồng ý theo nguyện vọng chính đáng của cháu T là được ở với bố và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận. Vì vậy yêu cầu của anh Hà Ngọc N và nguyện vọng của cháu Hà Anh T là có căn cứ đúng pháp luật, cần được chấp nhận ý kiến của bị đơn anh Hà Ngọc N và theo nguyện vọng của cháu Hà Anh T; chị Quàng Thị H là người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: các đương sự không có tài sản chung nên không yêu cầu Toà án giải quyết xem xét giải quyết.

[5] Về khoản nợ chung: Trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như các buổi làm việc với các đương sự và tại phiên toà ngày hôm nay giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Sìn Hồ với nguyên đơn Quàng Thị H, bị đơn Hà Ngọc N; các đương sự đều thống nhất ý kiến về việc trả các khoản nợ vay như sau: Khoản vay vào ngày 09 tháng 02 năm 2017 số tiền 160.000.000 đồng (một trăm sáu mươi triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là anh Hà Ngọc N, đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2019 còn

82.957.000 đồng do anh N tự trả; khoản vay vào ngày 29 tháng 6 năm 2017 số tiền là 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng) và lãi phát sinh đứng tên người vay là chị Quàng Thị H, đến thời điểm ngày 05 tháng 4 năm 2019 còn 28.000.000 đồng do chị H tự trả; trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự thoả thuận được với nhau về trách nhiệm trả các khoản nợ Ngân hàng nêu trên. Căn cứ Điều 246 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử công nhận sự thoả thuận của các đương sự: bị đơn Hà Ngọc N chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu là: 82.957.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh; nguyên đơn Quàng Thị H chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu là: 28.000.000 đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Các đương sự không liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ lẫn nhau.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, buộc nguyên đơn Quàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228, Điều 271, Điều 273, khoản 4 Điều 147, Điều 246 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 57; Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 và khoản 1 Điều 131 của Luật Hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.Về quan hệ hôn nhân: Xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Quàng Thị H, tuyên xử ly hôn (chấm dứt quan hệ hôn nhân) giữa nguyên đơn Quàng Thị H và bị đơn Hà Ngọc N.

2.Về con chung: Giao cho bị đơn Hà Ngọc N trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là cháu Hà Anh T; sinh ngày 17 tháng 9 năm 2011 cho đến khi cháu đủ 18 tuổi; chị Quàng Thị H có quyền được thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở thực hiện quyền này.

3.Về khoản nợ chung: Công nhận sự thoả thuận của các đương sự: bị đơn Hà Ngọc N chịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu với số tiền là: 82.957.000 (tám mươi hai triệu, chín trăm năm bảy đồng) đồng tiền gốc và lãi phát sinh; nguyên đơn Quàng Thị Hchịu trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tại huyện Sìn Hồ, tỉnh Lai Châu với số tiền là: 28.000.000(hai mươi tám triệu đồng) đồng tiền gốc và lãi phát sinh. Các đương sự không liên đới chịu trách nhiệm đối với các khoản nợ lẫn nhau.

4.Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: chị Quàng Thị H phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng); chuyển 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí chị Hương đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án theo biên lai số 0001900 ngày 04 tháng 10 năm 2018 của Chi cục thi hành án dân

sự huyện Sìn Hồ thành án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm (chị Hương đã nộp xong).

5.Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Quàng Thị H, Người có quyền lợi nghĩa vụ liên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 4 năm 2019. Bị đơn Hà Ngọc N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Lai Châu;
-VKSND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện S H;
- Các đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của cháu Hà Anh T**;**
- Người có QLNV LQ;
- UBND xã Th Y, h. Đ B;
- Chi cục THADS huyện SH;
- Lưu hồ sơ - TA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phan Hồng Ngoãn